

Số: 118 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Đầu tư xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị và Nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Văn bản số 560/TTPTQĐ-QLDA ngày 08 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch đầu tư xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Tạo lập quỹ đất tái định cư góp phần giải quyết nhu cầu thực tế trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói chung và phục vụ cho bố trí tái định cư cho các đối tượng liên quan đến việc giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh Đồng Nai, của Quốc gia, các dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu cần bố trí tái định cư.

b) Giúp cho tỉnh Đồng Nai nói chung và các địa phương cấp xã nói riêng của tỉnh không bị động trong công tác vận động, di dời người dân trong quá trình giải phóng mặt bằng khi thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh, của Quốc gia. Và chủ động bố trí tái định cư kịp thời các hộ dân bị thu hồi đất, không để tình trạng người dân không có chỗ ở hay tạm cư trong thời gian dài. Từ đó, nâng cao hiệu quả trong công tác hỗ trợ, bồi thường và giải phóng mặt bằng.

c) Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu tái định cư theo hướng văn minh, hiện đại và đồng bộ. Từ đó, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân bị ảnh hưởng bởi các dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương là điều kiện nơi ở mới tương đương hoặc tốt hơn nơi ở cũ, góp phần giữ vững an ninh trật tự, ổn định xã hội, tạo sự đồng thuận và sự tin tưởng của người dân.

d) Làm căn cứ cho các đơn vị liên quan gồm địa phương, các ban quản lý dự án khu vực, các đơn vị tư nhân và các đơn vị khác làm chủ đầu tư chủ động trong công tác lập quy hoạch, đầu tư xây dựng, bố trí quỹ đất, xác định danh mục các khu tái định cư cần đầu tư, bố trí vốn và lồng ghép các chương trình, kế hoạch khác như quy hoạch đô thị, phát triển nhà,...

đ) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực quy hoạch, đất đai và xây dựng. Từ dự báo nhu cầu tái định cư trong giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch triển khai cụ thể, mỗi địa phương cấp xã quản lý tốt việc sử dụng đất, tập trung ưu tiên đầu tư hiệu quả những khu tái định cư có thể bố trí cho nhiều dự án, tránh bị động, chông chéo hoặc lãng phí.

2. Yêu cầu:

a) Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với tình hình thực tế từng địa phương trên địa bàn tỉnh, có lộ trình cụ thể nhằm triển khai hiệu quả từng năm trong giai đoạn năm 2026 đến năm 2030.

b) Tổng số lượng tái định cư trong kế hoạch phải lớn hơn hoặc bằng tổng số lượng cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn năm 2026-2030.

c) Việc tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng các khu tái định cư phải tuân thủ nguyên tắc đúng quy định pháp luật, công khai, minh bạch, hiệu quả trong sử dụng quỹ đất và tối ưu hóa nguồn lực, kinh phí thực hiện;

d) Các khu tái định cư sau khi được xây dựng có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đảm bảo đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Quy hoạch đô thị và Nông thôn, Luật Nhà ở để bố trí cho người dân di chuyển chỗ ở;

đ) Các khu đất được định hướng đầu tư khu tái định cư phải phù hợp với quy hoạch, phù hợp với Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; hạn chế thấp nhất việc thu hồi đất của người dân xây dựng tái định cư và tạo không gian phát triển cho các khu vực mới ở địa phương;

e) Các địa phương, người đứng đầu địa phương cấp xã được giao phải chủ động rà soát và phối hợp với các chủ đầu tư không để thiếu tái định cư cho người dân khi thực hiện dự án tại địa phương và định hướng các vị trí có thể bố trí xây dựng các tái định cư nhằm bổ sung nguồn cung cấp tái định cư cho địa phương trong tương lai.

g) Các chủ đầu tư được giao triển khai thực hiện xây dựng tái định cư cần

có giải pháp rút ngắn tiến độ thực hiện và chất lượng dự án nhằm đảm bảo không để chậm tiến độ dẫn đến những địa phương liên quan bị động trong công tác bố tái định cư cho người dân khi thực hiện dự án tại địa phương. Trong đó, các dự án đăng ký cần đầy đủ thông tin cơ bản về dự án (*Số lượng dự án, thời gian khởi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn thực hiện, số lượng và hình thức lô tái định cư*); Các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm phối hợp đẩy nhanh các thủ tục hành chính trong quá trình triển khai dự án;

h) Các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên quan thực hiện đúng quy định của Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công và các quy định trong quá trình thực hiện các dự án triển khai.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Đánh giá nhu cầu tái định cư trong giai đoạn 2026-2030:

a) Căn cứ Danh mục dự án đầu tư công, dự án đầu tư ngoài ngân sách có sử dụng đất đang triển khai hoặc dự kiến triển khai trong giai đoạn năm 2026-2030 được các địa phương báo cáo để tổng hợp nhu cầu tái định cư toàn tỉnh Đồng Nai và của từng địa phương cụ thể (*Phụ lục số 01*). Từ số liệu đó làm nguồn gốc cơ bản, nền tảng quan trọng trong việc xác định dự toán kinh phí dự kiến nhằm huy động mọi nguồn lực của xã hội trong giai đoạn tới. Đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai các khu tái định cư từng khu vực đồng bộ, hiệu quả, chống lãng phí và phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của từng địa phương cấp xã.

b) Căn cứ danh mục các dự án tái định cư đã được tổng hợp của các địa phương thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai cũ trước ngày 01 tháng 07 năm 2025 và rà soát danh mục các dự án tái định cư được báo cáo từ các xã, phường, Ban quản lý dự án khu vực trên toàn tỉnh Đồng Nai nhằm tổng hợp xây dựng nên lộ trình thực hiện xây dựng danh sách các khu tái định cư từ năm 2026 cho đến năm 2030 (*Phụ lục số 02*).

2. Lộ trình:

a) Năm 2025: Tiếp tục triển khai dự án đã đăng ký kế hoạch trong năm 2025 đảm bảo tiến độ khởi công và tiến độ các dự án đã triển khai.

b) Năm 2026: Ưu tiên khởi công các dự án tái định cư trong năm 2026. Toàn bộ các đơn vị được giao làm chủ đầu tư các dự án tái định cư trong năm 2026 tại phụ lục số 02 trên toàn tỉnh, phải phấn đấu khởi công tối thiểu 01 công trình khu tái định cư, tùy thuộc vào nhu cầu, điều kiện thực tế của từng khu vực và các công trình trọng điểm của tỉnh, quốc gia đang triển khai trên địa bàn. Trong giai đoạn này, các địa phương cần kêu gọi thêm các nguồn lực khác ngoài nguồn đầu tư công để triển khai cho các dự án mới trong các giai đoạn tiếp theo.

c) Giai đoạn 2027-2028: Các chủ đầu tư rút kinh nghiệm từ các công trình tái định cư đã triển khai trong năm 2026, tiếp tục phấn đấu triển khai thêm các

khu tái định cư mới trong 02 (hai) năm 2027 và 2028, tối thiểu 02 công trình (đối với các chủ đầu tư có nhiều công trình khu tái định cư theo Phụ lục số 02). Trong giai đoạn này, các địa phương chủ động rà soát bổ sung điều chỉnh thêm các nhu cầu tái định cư (nếu có) và đề xuất thêm các vị trí các khu tái định cư mới đáp ứng nhu cầu điều chỉnh.

d) Giai đoạn 2029-2030: Triển khai khởi công các khu tái định cư còn lại nằm trong Kế hoạch.

3. Danh mục và tiến độ cụ thể các Dự án:

Giao cho các đơn vị liên quan khởi công, xây dựng và hoàn thành dự án theo tiến độ thực hiện dưới đây.

(Đính kèm Phụ lục số 02).

Trong quá trình thực hiện, giao các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các địa phương cấp xã, phường khẩn trương thực hiện các thủ tục liên quan đảm bảo các điều kiện khởi công danh mục dự án nói trên theo kế hoạch đã ban hành.

4. Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện:

a) Tổng kinh phí thực hiện: Ước tính **khoảng 10.339 tỷ đồng**; số liệu này căn cứ trên tổng nhu cầu của các địa phương gửi về và căn cứ Suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2024 của Bộ Xây dựng công bố tại Quyết định số 409/QĐ-SXD ngày 11 tháng 4 năm 2025. Trong đó:

- Tổng số nhu cầu lô tái định cư dự kiến trong giai đoạn 2026-2030 theo Phụ lục 01 là: 47.125 lô tái định cư (dự kiến mỗi lô tái định cư có diện tích trung bình 100/m² và diện tích đất ở chiếm trung bình khoảng 45% cơ cấu sử dụng đất các khu tái định cư, khu đô thị);

- Suất đầu tư là: 9.837 triệu đồng/ha (dự kiến giá trị suất đầu tư theo bảng 57 Khoản 3 Chương 3 phần II của quyết định số 409/QĐ-SXD ngày 11 tháng 4 năm 2025, suất đầu tư khu tái định cư xây dựng trong giai đoạn này với diện tích từ 20ha đến 50ha và 20% các chi phí khác, không bao gồm các chi phí giải phóng mặt bằng, đầu tư các công trình hạ tầng xã hội khác).

b) Nguồn vốn dự kiến thực hiện gồm: Nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các Ban quản lý dự án và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của mình và trách nhiệm được xác định cụ thể trong việc xây dựng các khu tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo đúng kế hoạch và đúng quy

định pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, tham mưu bố trí vốn đầu tư công đối với các dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

3. Giao Sở Xây dựng

a) Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân các xã, phường, các chủ đầu tư dự án khu tái định cư về tình hình triển khai, kinh nghiệm thực hiện, khó khăn vướng mắc triển khai kế hoạch tái định cư trên địa bàn tỉnh của các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm chủ đầu tư.

b) Hướng dẫn thủ tục, trình tự thực hiện cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng các khu tái định cư bằng các nguồn vốn khác.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn địa phương và các cá nhân liên quan bị thu hồi đất về các thủ tục, trình tự bố trí vào các khu tái định cư được xây dựng ngoài nguồn vốn đầu tư công (nếu có) theo quy định.

5. Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh: Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân các xã, phường về nhu cầu tái định cư của các địa phương (nếu có phát sinh, điều chỉnh) để bổ sung cập nhật vào Kế hoạch.

6. Giao các đơn vị chủ đầu tư có trong danh mục dự kiến tại Phụ lục 2 chủ trì lập Sơ đồ tiến độ của từng dự án cụ thể (Sơ đồ tiến độ phải thể hiện được nội dung các công việc cụ thể, thời gian hoàn thành, đơn vị chủ trì, phối hợp và sản phẩm) gửi về Sở Xây dựng tổng hợp, phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các công việc để đảm bảo dự án khởi công và hoàn thành theo đúng kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch đầu tư xây dựng các khu tái định cư giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các xã, phường; Giám đốc các Ban Quản lý dự án; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả và tuân thủ đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, Tài chính, Xây dựng;
- Quỹ Phát triển đất tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các Ban QLDA;
- Chánh VP, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN, THNC. *2*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Hà



Phụ lục 01: NHU CẦU TÁI ĐỊNH CƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 118..KH-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Địa phương	Số lượng dự án	Số lượng TĐC cần thiết			Ghi chú
			Tổng Nhu cầu cần bố trí tái định cư (16)	Hộ đủ điều kiện cấp tái định cư	Hộ hưởng chính mua nhà ở xã hội	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng	735	47.125	42.066	5.059	
1	Xã Long Thành	10	1.223	1.223	-	
2	Phường Trần Biên	23	2.757	2.412	345	
3	Phường Long Khánh	1	698	349	349	
4	Phường Bình Phước	66	1.814	1.758	56	
5	Phường Biên Hòa	8	516	298	218	
6	Phường Long Hưng	13	811	811	-	
7	Phường Phước Bình	-	-	-	-	
8	Phường Bình Long	5	270	263	7	
9	Phường Phước Long	-	-	-	-	
10	Xã Trảng Bom	9	1.970	1.970	-	
11	Xã Dầu Giây	13	1.119	1.119	-	
12	Xã Cẩm Mỹ	2	274	274	-	
13	Xã Nhơn Trạch	10	890	693	197	
14	Xã Tân Phú	-	-	-	-	
15	Xã Định Quán	-	-	-	-	
16	Xã Lộc Hưng	26	26	21	5	

Stt	Địa phương	Số lượng dự án	Số lượng TĐC cần thiết			Ghi chú
			Tổng Nhu cầu cần bố trí tái định cư (lô)	Hộ đủ điều kiện cấp tái định cư	Hộ hưởng chính mua nhà ở xã hội	
17	Xã Phú Riêng	17	170	145	25	
18	Xã Đồng Phú	2	105	85	20	
19	Xã Tân Lợi	3	308	258	50	
20	Xã Bù Đăng	12	494	400	94	
21	Xã Bom Bo	5	76	63	13	
22	Xã Lộc Thạnh	1	362	362	-	
23	Xã Tân Khai	22	289	289	-	
24	Xã Thiện Hưng	-	-	-	-	
25	Xã Đa Kì	-	-	-	-	
26	Xã Đăk Ô	-	-	-	-	
27	Xã Trị An	8	498	498	-	
28	Phường Tam Phước	3	116	91	25	
29	Phường Tam Hiệp	8	433	387	46	
30	Phường Long Bình	5	139	87	52	
31	Phường Trảng Dài	10	1.031	805	226	
32	Phường Tân Triều	19	981	981	-	
33	Phường Hồ Nai	1	10	10	-	
34	Phường Phước Tân	7	1.014	840	174	
35	Phường Bình Lộc	6	395	395	-	
36	Phường Bảo Vinh	1	30	30	-	
37	Phường Xuân Lập	5	339	339	-	
38	Phường Hàng Gòn	6	667	667	-	

Stt	Địa phương	Số lượng dự án	Số lượng TĐC cần thiết			Ghi chú
			Tổng Nhu cầu cần bố trí tái định cư (lô)	Hộ đủ điều kiện cấp tái định cư	Hộ hưởng chính mua nhà ở xã hội	
39	Phường Đồng Xoài	15	577	577	-	
40	Phường Chơn Thành	-	-	-	-	
41	Phường Minh Hưng	81	819	653	166	
42	Phường An Lộc	3	17	17	-	
43	Xã An Viễn	3	570	470	100	
44	Xã Bình Minh	14	1.187	1.187	-	
45	Xã Bàu Hàm	2	267	267	-	
46	Xã Hưng Thịnh	12	781	781	-	
47	Xã Thống Nhất	16	810	810	-	
48	Xã Gia Kiệm	3	200	200	-	
49	Xã Xuân Quế	5	204	204	-	
50	Xã Xuân Đường	7	332	229	103	
51	Xã Sông Ray	3	250	190	60	
52	Xã Xuân Lộc	12	1.126	1.126	-	
53	Xã Xuân Định	5	395	326	69	
54	Xã Xuân Phú	3	260	235	25	
55	Xã Xuân Hòa	9	569	569	-	
56	Xã Xuân Thành	3	183	183	-	
57	Xã Xuân Bắc	-	-	-	-	
58	Xã Long Hà	-	-	-	-	
59	Xã Phước An	9	400	400	-	
60	Xã Phước Thái	9	302	301	1	

Stt	Địa phương	Số lượng dự án	Số lượng TĐC cần thiết			Ghi chú
			Tổng Nhu cầu cần bố trí tái định cư (lô)	Hộ đủ điều kiện cấp tái định cư	Hộ hưởng chính mua nhà ở xã hội	
61	Xã Long Phước	5	-	-	-	
62	Xã Bình An	1	600	500	100	
63	Xã An Phước	41	1.080	1.080	-	
64	Xã La Ngà	3	250	250	-	
65	Xã Thanh Sơn	8	150	130	20	
66	Xã Phú Vinh	-	-	-	-	
67	Xã Phú Hòa	10	300	255	45	
68	Xã Tà Lài	2	1.000	1.000	-	
69	Xã Nam Cát Tiên	2	105	105	-	
70	Xã Phú Lâm	9	700	700	-	
71	Xã Đak Lua	-	-	-	-	
72	Xã Tân An	10	207	153	54	
73	Xã Phú Lý	8	32	29	3	
74	Xã Xuân Đông	5	167	79	88	
75	Xã Nha Bích	6	480	480	-	
76	Xã Đồng Tâm	1	204	204	-	
77	Xã Thuận Lợi	-	-	-	-	
78	Xã Đại Phước	43	2.400	2.400	-	
79	Xã Bình Tân	3	27	18	9	
80	Xã Phú Trung	-	-	-	-	
81	Xã Thọ Sơn	6	359	359	-	
82	Xã Phước Sơn	2	885	498	387	

Stt	Địa phương	Số lượng dự án	Số lượng TĐC cần thiết			Ghi chú
			Tổng Nhu cầu cần bố trí tái định cư (lô)	Hộ đủ điều kiện cấp tái định cư	Hộ hưởng chính mua nhà ở xã hội	
83	Xã Nghĩa Trung	4	3.336	1.548	1.788	
84	Xã Đak Nhau	2	30	30	-	
85	Xã Lộc Ninh	3	110	2	108	
86	Xã Lộc Quang	-	-	-	-	
87	Xã Lộc Tấn	3	67	67	-	
88	Xã Lộc Thành	2	57	57	-	
89	Xã Tân Hưng	-	-	-	-	
90	Xã Tân Quan	-	-	-	-	
91	Xã Minh Đức	8	171	171	-	
92	Xã Tân Tiến	1	38	26	12	
93	Xã Hưng Phước	-	-	-	-	
94	Xã Phú Nghĩa	6	36	36	-	
95	Xã Bù Gia Mập	-	-	-	-	
96	Các đơn vị khác	106	5.260	5.241	19	



Phụ lục 02: DANH MỤC VÀ TIẾN ĐỘ CỤ THỂ CÁC DỰ ÁN TÀI ĐỊNH CƯ TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 11.8./KH-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tài định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kết	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
	TỔNG	89	-	-	1.913,62	-	46.699	46.699	-			
I	Giai đoạn năm 2025	13	-	-	174,71	-	5.797	5.797	-			
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Thống Nhất và Tân Mai 8,56 ha (đã triển khai 3,71/8,56ha)	1	Phường Trăn Biên	Ban QLDA KV 01	8,56	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	189	189	-	đã khởi công	2027	
2	Dự án Hạ tầng Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 xã Hưng Lộc, thị trấn Dầu Giây	1	xã Dầu Giây	Ban QLDA KV 04	13,21	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	496	496	-	2025	2027	
3	Dự án Hạ tầng Khu dân cư phục vụ tái định cư giai đoạn 2 xã Hưng Lộc	1	xã Dầu Giây	Ban QLDA KV 04	9,28	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	389	389	-	2025	2027	
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư xã Nhân Nghĩa	1	Xã Cẩm Mỹ	Ban QLDA KV 08	5,37	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	103	103	-	2025	2027	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kết	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
5	Khu tái định cư xã Bình Lợi	1	Phường Tân Triều	Ban QLDA KV 09	3,04	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	142	142	-	đã khởi công	2026	
6	Khu tái định cư thuộc điểm dân cư số 6, xã Hiếu Liêm	1	xã Trại An	Ban QLDA KV 09	13,38	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	426	426	-	đã khởi công	2027	
7	Dự án tái định cư Khu tái định cư 15 ha, huyện Tân Phú	1	xã Tân Phú	Ban QLDA KV 11	15,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	715	715	-	đã khởi công	2026	
8	Khu tái định cư Đồng Xoài	1	phường Bình Phước	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	9,80	Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương	425	425	-	đã khởi công	2027	
9	Khu tái định cư Chơn Thành	1	Phường Chơn Thành	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	4,27	Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương	201	201	-	đã khởi công	2027	
10	Khu tái định cư Bù Đăng	1	xã Bù Đăng	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	6,30	Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương	240	240	-	2025	2027	
11	Khu tái định cư Đồng Phú	1	xã Đồng Tâm và Tân và	Ban QLDA ĐTXD	5,98	Ngân sách Trung ương và ngân sách địa	125	125	-	2025	2027	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kết	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
			xã Tân Lợi	tỉnh		phương						
12	Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa	1	phường Tam Phước	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	31,20	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.280	1.280	-	2025	2027	
13	Xây dựng Hạ tầng khu tái định cư 49,32 ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa	1	Phường Phước Tân	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	49,32	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.066	1.066	-	2025	2027	
II	Giai đoạn năm 2026	30	-	-	414,45	-	15.700	15.700	-			
1	Khu tái định cư phường Tân Vạn	1	Phường Biên Hòa	Ban QLDA KV 01	3,30	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	189	189	-	2026	2028	
2	Khu tái định cư phường Tam Hiệp (6,2ha)	1	Phường Tam Hiệp	Ban QLDA KV 01	6,20	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	246	246	-	2026	2028	
3	Khu tái định cư Bắc Sơn	1	Xã Bình Minh	Ban QLDA KV 03	3,89	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	200	200	-	2026	2028	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
						cấp xã)						
4	Khu tái định cư Cây Gáo	1	Xã Bàu Hâm	Ban QLDA KV 03	5,77	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	267	267	-	2026	2028	
5	Khu tái định cư Sông Trầu	1	Xã Trảng Bom	Ban QLDA KV 03	12,57	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	420	420	-	2026	2027	
6	Khu tái định cư Đông Hòa	1	Xã Hưng Thịnh	Ban QLDA KV 03	18,70	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	749	749	-	2026	2027	
7	Dự án Hạ tầng Khu dân cư phục vụ tái định cư tại xã Hưng Lộc	1	Xã Dầu Giây	Ban QLDA KV 04	14,63	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	577	577	-	2026	2028	
8	Khu tái định cư thị trấn Long Thành (nay thuộc xã Long Thành)	1	Xã Long Thành	Ban QLDA KV 05		Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.596	1.596	-	2026	2028	
9	Khu tái định cư Hiệp Phước 3 (giai đoạn 2)	1	Xã Nhơn Trạch	Ban QLDA KV 06	9,76	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	430	430	-	2026	2028	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
						cấp xã)						
10	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	1	Xã Phước An	Ban QLDA KV 06	25,89	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.149	1.149	-	2026	2029	
11	Khu tái định cư xã Xuân Hiệp	1	Xã Xuân Lộc	Ban QLDA KV 07	33,08	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	671	671	-	2026	2028	
12	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư xã Nhân Nghĩa	1	xã Cẩm Mỹ	Ban QLDA KV 08	5,37	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	103	103	-	2026	2028	
13	Khu tái định cư xã Sông Nhạn	1	xã Xuân Quế	Ban QLDA KV 08	25,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	450	450	-	2026	2028	
14	Khu tái định cư xã Tân An (nằm trong dự án Khu dân cư Đông Việt)	1	Xã Tân An	Công ty Cổ phần Đông Việt	3,30	Xã hội hóa	188	188	-	2026	2028	
15	Khu tái định cư Tân Khai	1	Phường Tân Triều	Công ty Cổ phần Tìn	3,70	Xã hội hóa	438	438	-	2026	2028	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
				Khairi								
16	Khu tái định cư Miền Đông	1	Phường Tân Triều	Công ty Cổ phần Miền Đông	1,70	Xã hội hóa	58	58	-	2026	2028	
17	Khu dân cư kết hợp tái định cư và thương mại dịch vụ	1	Xã Tân An	Ban QLDA KV 09	5,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	250	250	-	2026	2028	
18	Khu tái định cư ấp Bình Chánh	1	xã Tân An	Ban QLDA KV 09	5,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	250	250	-	2026	2028	
19	Khu tái định cư Cầu Ván xã Phú Túc	1	Xã Thống Nhất	Ban QLDA KV 10	5,50	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	172	172	-	2026	2028	
20	Khu tái định cư khu 8 ấp 5 xã Gia Canh	1	Xã Định Quán	Ban QLDA KV 10	2,70	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	110	110	-	2026	2028	
21	Khu tái định cư Long Tân (Công ty Cổ phần Dầu tư Nhơn Trạch làm chủ đầu tư)	1	Xã Nhơn Trạch	Công ty Cổ phần Dầu tư	21,20	Xã hội hóa	619	619	-	2026	2027	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kết	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
				Nhóm Trách								
22	Khu dân cư nhà máy nước (thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú)	1	xã Đồng Phú	Ban QLDA KV Đồng Phú	3,04	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	46	46		2026	2027	
23	Khu Hoa viên Quán sư - Kiềm Lâm (thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú)	1	xã Đồng Phú	Ban QLDA KV Đồng Phú	3,74	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	22	22		2026	2027	
24	Khu dân cư cấp 9 (xã Tân Lập, huyện Đồng Phú)	1	xã Đồng Phú	Ban QLDA KV Đồng Phú	42,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	47	47		2026	2027	
25	Khu Tái định cư Thành Tâm	1	Phường Chơn Thành	Ban QLDA DTXD tỉnh	3,61	Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương	158	158	-	2026	2028	
26	Dự án Khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất	1	Xã Dầu Giây	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	45,93	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	2.000	2.000	-	2026	2028	
27	Dự án mở rộng khu tái định cư Long Đức giai đoạn 2	1	Xã Bình An	UBND xã Bình An	42,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp	2.000	2.000	-	2026	2028	UBND xã đề xuất

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
						(cấp tỉnh hoặc cấp xã)						
28	Dự án Khu tái định cư Long Bình Tân	1	Phường Long Hưng	UBND Phường Long Hưng	9,60	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	600	600	-	2026	2028	UBND Phường đề xuất
29	Dự án Khu tái định cư Phước Khánh mở rộng	1	Xã Đại Phước	UBND xã Đại Phước	42,27	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.345	1.345	-	2026	2028	UBND xã đề xuất
30	Dự án Khu tái định cư Phú Đông mở rộng	1	Xã Đại Phước	UBND xã Đại Phước	10,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	350	350	-	2026	2028	UBND xã đề xuất
III	Giai đoạn năm 2027-2028	24	-	-	999,78	-	14.810	14.810	-			
1	Khu tái định cư phường Bình Đa (3ha)	1	Phường Tam Hiệp	Ban QLDA KV 01	3,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	158	158	-	2027	2029	
2	Khu tái định cư phường Trảng Dài (4,5ha)	1	Phường Trảng Dài	Ban QLDA KV 01	4,50	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	64	64	2 Block cao tầng	2027	2029	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tài định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
3	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư 2 tại phường Tân Hiệp	1	Phường Tân Hiệp	Ban QLĐA KV 01	2,10	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	120	120	-	2027	2029	
4	Khu tái định cư Bàu Sen tại phường Bàu Sen	1	Phường Long Khánh	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh - chi nhánh Long Khánh	18,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	729	729	-	2027	2029	
5	Khu tái định cư Xuân Tân	1	Phường Long Khánh	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh - chi nhánh Long Khánh	25,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	667	667	-	2027	2029	
6	Khu tái định cư Phước Khánh	1	Xã Đại Phước	Ban QLĐA KV 06	42,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.435	1.435	-	2027	2029	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
7	Khu dân cư kết hợp tái định cư ấp Ông Hường	1	Phường Trảng Dài	Ban QLDA KV 09	4,60	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	200	200	-	2028	2029	
8	Dự án khu tái định cư xã Tân Bình	1	Phường Tân Triều	Ban QLDA KV 09	32,59	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.236	1.236	-	2027	2029	
9	Khu dân cư tái định cư (Công ty CP Tri Tiến)	1	Phường Trảng Dài	Công ty cổ phần Tri Tiến	5,60	Xã hội hóa	250	250	-	2027	2028	
10	Khu tái định cư ấp 5	1	Phường Tân Triều	Ban QLDA KV 09	1,98	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	106	106		2027	2028	
11	Khu tái định cư đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi tỉnh lộ 763	1	Xã Thống Nhất	Ban QLDA KV 10	29,59	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	639	639	-	2027	2029	
12	Khu tái định cư chợ Suối Nho	1	Xã Xuân Bắc	Ban QLDA KV 10	0,07	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	16	16	-	2028	2029	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Thời độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
13	Khu tái định cư phục vụ dự án Hồ Cà Ròn	1	Xã Định Quán	Ban QLĐA KV 10	2,70	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	181	181	-	2028	2029	
14	Dự án Khu tái định cư Phú Bình (cũ)	1	xã Phú Lâm	Ban QLĐA KV 11	11,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	600	600	-	2027	2029	
15	Dự án Khu tái định cư Phú Lâm (cũ)	1	xã Phú Lâm	Ban QLĐA KV 11	5,30	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	300	300	-	2027	2029	
16	Khu tái định cư 5.500 m2 tại thị trấn Long Thành cũ nay thuộc xã Long Thành (trụ sở Trung tâm dịch vụ Công ích cũ)	1	Xã Long Thành	UBND xã Long Thành	0,55	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	38	38		2027	2029	UBND xã đề xuất
17	Khu tái định cư 2.900 m2 tại thị trấn Long Thành nay thuộc xã Long Thành (trụ sở Hợp tác xã Nông nghiệp cũ)	1	Xã Long Thành	UBND xã Long Thành	0,29	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	21	21		2027	2029	UBND xã đề xuất
18	Khu tái định cư số 01	1	Xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	120,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	4.000	4.000		2027	2029	UBND xã đề xuất

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kết	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
19	Khu tái định cư tiếp giáp đường ĐT. 768B	1	Xã Trì An	UBND xã Trì An	9,82	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	500	500		2027	2029	UBND xã đề xuất
20	Khu tái định cư tiếp giáp đường Chu Văn An	1	Xã Trì An	UBND xã Trì An	5,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	300	300		2027	2029	UBND xã đề xuất
21	Khu dân cư Cao su Đồng Phú mở rộng	1	Phường Bình Phước	UBND phường Bình Phước	10,10	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	600	600		2027	2029	UBND phường đề xuất
22	Dự án cơ sở hạ tầng khu dân cư vùng ven Khu công nghiệp Đông Nam Đồng Phú	1	Xã Tân Lợi	UBND xã Tân Lợi	600,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)				2027	sau 2030	UBND xã đề xuất
23	Khu tái định cư và lưu trú thấp tầng 54,44 ha	1	Xã Hưng Thịnh	UBND xã Hưng Thịnh	54,44	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	2.000	2.000		2027	2030	UBND xã đề xuất
24	Khu tái định cư phục vụ Cùn công nghiệp Hưng Thịnh 11,55 ha	1	Xã Hưng Thịnh	UBND xã Hưng Thịnh	11,55	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	650	650		2027	2030	UBND xã đề xuất

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kết	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
IV	Giai đoạn năm 2029-2030	22	-	-	324,68	-	10.392	10.392	-			
1	Khu tái định cư Tân Biên 2	1	Phường Tân Biên	Ban QLDA KV 01	5,90	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	294	294	-	2029	2030	
2	Khu tái định cư phường Bửu Long (6,3ha)	1	Phường Trăn Biên	Ban QLDA KV 01	6,30	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	174	174	-	2029	2030	
3	Hạ tầng Khu tái định cư 7,4ha Bửu Long	1	Phường Trăn Biên	Ban QLDA KV 01	7,40	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	356	356	-	2029	2030	
4	Khu tái định cư phường Thống Nhất (0,7 ha)	1	Phường Trăn Biên	Ban QLDA KV 01	0,70	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	65	65	-	2029	2030	
5	Hạ tầng khu tái định cư phường Thống Nhất và Tân Mai 2	1	Phường Trăn Biên	Ban QLDA KV 01	9,50	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	377	377	-	2029	2030	
6	Khu tái định cư Bắc Sơn	1	Xã Bình Minh	Ban QLDA KV 03	15,12	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp	650	650	-	2029	2030	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
						(cấp tỉnh hoặc cấp xã)						
7	Khu tái định cư Đồi 61	1	Xã An Viên	Ban QLDA KV 03	6,39	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	330	330	-	2029	2030	
8	Khu dân cư kết hợp tái định cư đường cộ Cây Xoài	1	Xã Tân An	Ban QLDA KV 09	5,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	250	250	-	2029	2030	
9	Khu tái định cư ấp 1 (công an xã Thạnh Phú)	1	Phường Tân Triều	Ban QLDA KV 09	1,25	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	60	60	-	2029	2030	
10	Khu tái định cư Bình Hòa	1	Phường Tân Triều	Ban QLDA KV 09	31,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.500	1.500		2030	Sau năm 2030	
11	Mở rộng khu tái định cư Lý Thái Tổ - Thị trấn Định Quán	1	Xã Định Quán	Ban QLDA KV 10	4,60	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	141	141	-	2029	2030	
12	Khu Tái định cư 3 thị trấn Định Quán	1	Xã Định Quán	Ban QLDA KV 10	11,63	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp	467	467	-	2030	Sau năm 2030	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
						(cấp tỉnh hoặc cấp xã)						
13	Khu tái định cư khu thương mại chợ Gia Canh	1	Xã Định Quán	Ban QLDA KV 10	2,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	20	20	-	2030	Sau năm 2030	
14	Khu dân cư kết hợp tái định cư đường cộ Cây Xoài	1	Xã Tân An	Ban QLDA KV 09	5,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	250	250	-	2029	2030	
15	Khu tái định cư ấp 1 (công an xã Thạnh Phú)	1	Phường Tân Triều	Ban QLDA KV 09	1,25	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	60	60	-	2029	2030	
16	Khu tái định cư Bình Hòa	1	Phường Tân Triều	Ban QLDA KV 09	31,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.500	1.500		2030	Sau năm 2030	
17	Khu tái định cư Trường bán Quốc gia khu vực 3	1		Ban QLDA KV 07	40,75	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.195	1.195	-	2029	2030	
18	Khu tái định cư vùng đệm Trường bán	1		Ban QLDA KV 07	23,27	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp	545	545	-	2029	2030	

Stt	Dự án	Số lượng Dự án	Vị trí dự kiến	Chủ đầu tư	Quy mô (ha)	Nguồn vốn thực hiện dự kiến	Hình thức tái định cư			Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Tổng số lô TĐC	Liên kế	Cao tầng	Khởi công	Hoàn thành	
						(cấp tỉnh hoặc cấp xã)						
19	Khu tái định cư Trường bản tại xã Xuân Hưng	1	Xã Xuân Hòa	Ban QLDA KV 07	55,41	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	1.384	1.384	-	2029	2030	
20	Khu tái định cư xã Xuân Hòa	1	Xã Xuân Hòa	Ban QLDA KV 07	30,96	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	774	774	-	2029	2030	
21	Khu tái định cư cho người dân tộc thiểu số	1		Ban QLDA KV 07	27,00	Ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã)	-	-	-	2030	Sau năm 2030	
22	Khu tái định cư Dofico	1		Tổng công ty Dofico	3,25	Xã hội hóa	-	-	-	2030	Sau năm 2030	